



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thông tin chung

	Trang
Thông tin về Công ty	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo Kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 30

010011
CHI
CÔNG
K
V/H PH

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thông tin về Công ty

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ số	41/UBCK-GP	ngày 28 tháng 10 năm 2008
	54/UBCK-GP	ngày 2 tháng 12 năm 2009
	33/GPDC-UBCK	ngày 25 tháng 10 năm 2013
	5/GPDC-UBCK	ngày 9 tháng 2 năm 2015
	30/GPDC-UBCK	ngày 3 tháng 12 năm 2015
	100/GPDC-UBCK	ngày 20 tháng 10 năm 2022
Hội đồng Thành viên	Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch (từ ngày 5 tháng 9 năm 2022)
	Ông Lương Văn Tự	Chủ tịch (đến ngày 4 tháng 9 năm 2022)
	Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên (từ ngày 5 tháng 9 năm 2022)
	Ông Nguyễn Đức Thái Hân	Thành viên (từ ngày 5 tháng 9 năm 2022)
	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
	Bà Nguyễn Ngọc Như Uyên	Thành viên (đến ngày 4 tháng 9 năm 2022)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Lầu 12, Số 480 Nguyễn Thị Minh Khai Phường 2, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 30 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 2 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Nhà đầu tư
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 2 năm 2023 được trình bày từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Kết luận của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 24 tháng 2 năm 2022.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số.: 22-01-00302-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 2 năm 2023

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B01 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130)	100		54.737.772.977	54.551.714.625
Tiền	110	4	584.031.793	527.859.558
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		53.451.500.000	53.114.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	6.451.500.000	7.314.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	47.000.000.000	45.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		702.241.184	909.855.067
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	134	6	174.557.896	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	7	527.683.288	909.855.067
Tài sản dài hạn (200 = 220)	200		45.833.333	-
Tài sản cố định	220		45.833.333	-
Tài sản cố định vô hình	227	8	45.833.333	-
Nguyên giá	228		50.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.166.667)	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		54.783.606.310	54.551.714.625
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		548.854.616	2.473.490.106
Nợ ngắn hạn	310		548.854.616	2.473.490.106
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	204.894.616	313.040.165
Phải trả người lao động	315	10	304.960.000	272.184.000
Chi phí phải trả	316		39.000.000	35.629.000
Phải trả ngắn hạn khác	319		-	1.852.636.941

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

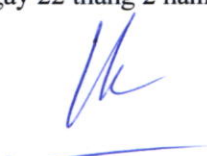
Mẫu B01 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		54.234.751.694	52.078.224.519
Vốn chủ sở hữu	410		54.234.751.694	52.078.224.519
Vốn góp	411	11	50.000.000.000	50.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.352.861.426	1.352.861.426
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		725.363.093	725.363.093
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.156.527.175	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		54.783.606.310	54.551.714.625

Ngày 22 tháng 2 năm 2023



Trần Thị Thu Thủy
Người lập



Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		5.610.000.000	6.360.000.000
- Chứng khoán giao dịch	007		5.610.000.000	6.360.000.000
Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư ủy thác	030	12	3.164.739	1.399.358
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		3.164.739	1.399.358
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	13	461.466.000.000	36.300.000.000
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		461.466.000.000	36.300.000.000
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	14	10.595.324.225	846.765.478
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	15	21.454.972	1.412.652

Ngày 22 tháng 2 năm 2023


 Trần Thị Thu Thủy
 Người lập


 Trần Thị Thu Thủy
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Minh Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****Mẫu B02 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	16	818.689.522	185.000.000
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	17	406.549.889	100.467.630
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		412.139.633	84.532.370
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	4.096.253.966	4.320.313.061
Chi phí tài chính	22		5.020.055	6.762.682
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	1.860.338.262	1.824.975.888
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		2.643.035.282	2.573.106.861
Lỗ khác	40		(30.039.938)	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.612.995.344	2.573.106.861
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	456.468.169	581.754.227
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	20	-	(67.132.855)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.156.527.175	2.058.485.489

Ngày 22 tháng 2 năm 2023

Trần Thị Thu Thủy
Người lập

Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(Phương pháp trực tiếp)****Mẫu B03 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		644.131.626	165.000.000
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(296.207.557)	(176.650.529)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.930.366.927)	(1.775.708.590)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(570.413.168)	(572.944.482)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	06		-	4.699.810
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(29.260.543)	(4.699.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(2.182.116.569)	(2.360.303.601)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(50.000.000)	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	23		(50.527.575.342)	(63.000.000.000)
Thu tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	24		49.327.575.342	63.200.000.000
Tiền thu được từ thanh lý cổ phiếu	26		2.052.230.000	3.032.058.779
Tiền thu lãi tiền gửi	27		3.288.695.745	2.276.892.712
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		4.090.925.745	5.508.951.491
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi phân phối lợi nhuận	36		(1.852.636.941)	(3.950.714.351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.852.636.941)	(3.950.714.351)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		56.172.235	(802.066.461)
Tiền đầu năm	60		527.859.558	1.329.926.019
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	584.031.793	527.859.558

Ngày 22 tháng 2 năm 2023


Trần Thị Thu Thủy
Người lập
Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng
Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****Mẫu B05 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Vốn góp VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	50.000.000.000	1.249.937.152	622.438.819	-	51.872.375.971
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.058.485.489	2.058.485.489
Trích lập các quỹ	-	102.924.274	102.924.274	(205.848.548)	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.852.636.941)	(1.852.636.941)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	50.000.000.000	1.352.861.426	725.363.093	-	52.078.224.519
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.156.527.175	2.156.527.175
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	50.000.000.000	1.352.861.426	725.363.093	2.156.527.175	54.234.751.694

Ngày 22 tháng 2 năm 2023


Trần Thị Thu Thủy
Người lập
Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng
Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B09 - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNN”) cấp ngày 28 tháng 10 năm 2008. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 100/GPDC-UBCK được cấp ngày 20 tháng 10 năm 2022.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 8 nhân viên (31/12/2021: 9 nhân viên).

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực này và các quy định pháp lý có liên quan có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B09 - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Các thay đổi trong chính sách kế toán

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 ("Thông tư 114") do Bộ Tài chính ban hành bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Những thay đổi trong chính sách kế toán của Công ty do việc áp dụng Thông tư 114 và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 3(j) trong báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn trên ba tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định vô hình

Website

Website được xem là phần mềm máy tính và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(f) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(g) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(h) Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này để đầu tư vào danh mục đầu tư được quy định trong hợp đồng thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Khoản đầu tư vào danh mục đầu tư được quy định trong hợp đồng thay cho khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 125

(i) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(j) Các quỹ dự trữ

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm hoặc cá nhân gây ra tổn thất.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022

Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng Thành viên Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan khác.

Hội đồng Thành viên của Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu và thu nhập khác được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu và thu nhập khác có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí quản lý quỹ và phí quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là quản lý đầu tư và hoạt động trên một vùng địa lý là Việt Nam.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(o) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ (nhà đầu tư), công ty mẹ cấp cao nhất của nhà đầu tư này và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(p) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 125 không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	584.031.793	527.859.558

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)***5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn****(a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2022				31/12/2021			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu chưa niêm yết								
Công ty Cổ phần								
Cảng Sài Gòn	561.000	6.451.500.000	7.180.800.000	-	636.000	7.314.000.000	21.433.200.000	-

- (*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (mã chứng khoán: SGP) được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“thị trường UPCOM”) tại ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị hợp lý của cổ phiếu Cảng Sài Gòn là 12.800 VND (31/12/2021: 33.700 VND).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm dao động từ 5,80% đến 9,50% (31/12/2021: từ 3,00% đến 7,40%).

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	83.528.604	-
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	91.029.292	-
	174.557.896	-

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	527.683.288	909.855.067
	527.683.288	909.855.067

8. Tài sản cố định vô hình

	2022
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	50.000.000
	50.000.000
Số dư cuối năm	50.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	4.166.667
	4.166.667
Số dư cuối năm	4.166.667
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	45.833.333
	45.833.333

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	292.396.055	456.468.169	(570.413.168)	178.451.056
Thuế thu nhập cá nhân	20.644.110	116.390.821	(110.591.371)	26.443.560
	313.040.165	572.858.990	(681.004.539)	204.894.616

10. Phải trả cho người lao động

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Lương, thưởng phải trả	304.960.000	272.184.000

11. Vốn góp

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty đã được góp đủ bởi công ty mẹ, Công ty TNHH Chứng khoán ACB, là công ty được thành lập tại Việt Nam.

Công ty mẹ cấp cao nhất, Ngân hàng TMCP Á Châu, được thành lập tại Việt Nam.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC**ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)***12. Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư ủy thác**

Bao gồm trong tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư ủy thác trong nước như sau:

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Real Stake Fintech	3.164.739	1.399.358

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của nhà đầu tư ủy thác như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu kỳ	1.399.358	-
Tăng trong năm	1.252.820.967.889	36.328.021.864
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	736.118.000.000	36.323.000.000
<i>Nhận tiền từ rút tiền gửi có kỳ hạn</i>	510.153.804.400	-
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	6.549.163.489	5.021.864
Giảm trong năm	(1.252.819.202.508)	(36.326.622.506)
<i>Gửi tiền có kỳ hạn</i>	(873.487.000.000)	(20.300.000.000)
<i>Mua chứng chỉ tiền gửi</i>	(71.000.000.000)	(16.000.000.000)
<i>Phí dịch vụ ngân hàng lưu kí</i>	(130.690.601)	(4.558.402)
<i>Phí quản lý danh mục đầu tư</i>	-	(15.000.000)
<i>Chuyển lợi nhuận và tiền gửi cho nhà đầu tư</i>	(308.201.511.907)	(7.064.104)
Số dư cuối kỳ	3.164.739	1.399.358

13. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Danh mục do ACBC đứng tên		
▪ Chứng chỉ tiền gửi	67.000.000.000	16.000.000.000
▪ Tiền gửi có kì hạn	394.466.000.000	20.300.000.000
	461.466.000.000	36.300.000.000

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết danh mục đầu tư nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác như sau:

	31/12/2022			31/12/2021		
	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng
	VND	thị trường	giảm giá	VND	thị trường	giảm giá
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng chỉ tiền gửi						
▪ Công ty Tài chính cổ phần Tín Việt	67.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	16.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
Tiền gửi có kỳ hạn						
▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt	306.119.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	20.100.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam	88.347.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	200.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
	<u>461.466.000.000</u>			<u>36.300.000.000</u>		

14. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	10.595.324.225	846.765.478

15. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Phí dịch vụ ngân hàng lưu ký	21.454.972	1.412.652

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

16. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu từ hoạt động ủy thác	735.160.918	185.000.000
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	83.528.604	-
	818.689.522	185.000.000

17. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	406.549.889	100.467.630

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.545.743.966	1.859.152.929
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.189.730.000	1.310.475.200
Cổ tức được chia	360.780.000	-
Lãi trái phiếu	-	1.150.684.932
	4.096.253.966	4.320.313.061

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	1.556.593.038	1.663.963.870
Chi phí văn phòng	176.959.263	48.332.607
Chi phí nghiệp vụ	59.000.000	96.610.000
Chi phí khác	67.785.961	16.069.411
	1.860.338.262	1.824.975.888

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện tại	456.468.169	581.754.227
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	(67.132.855)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	456.468.169	514.621.372

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.612.995.344	2.573.106.861
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	522.599.069	514.621.372
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.025.100	-
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	(72.156.000)	-
	456.468.169	514.621.372

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng cho Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải chịu sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

21. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đánh giá và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra việc Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty, rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Note	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	584.031.793	527.859.558
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	47.000.000.000	45.800.000.000
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	(ii)	174.557.896	-
Phải thu khác	(ii)	527.683.288	909.855.067
		48.286.272.977	47.237.714.625

(i) Tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC**ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)***(ii) Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác**

Phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư và phải thu lãi. Rủi ro tín dụng liên quan đến các hoạt động này được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ quỹ thuộc quản lý của Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người lao động	304.960.000	304.960.000	304.960.000
Chi phí trích trước	39.000.000	39.000.000	39.000.000
	343.960.000	343.960.000	343.960.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người lao động	272.184.000	272.184.000	272.184.000
Chi phí trích trước	35.629.000	35.629.000	35.629.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.852.636.941	1.852.636.941	1.852.636.941
	2.160.449.941	2.160.449.941	2.160.449.941

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)***(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không phải chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất vì Công ty không có bất cứ khoản vay nào và lãi suất của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại là lãi suất cố định.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	584.031.793	527.859.558
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	47.000.000.000	45.800.000.000

(ii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm bởi sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là do có gốc tiền tệ là đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC**ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)***(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</i>				
▪ Chứng khoán kinh doanh	6.451.500.000	7.180.800.000	7.314.000.000	21.433.200.000
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	47.000.000.000	(*)	45.800.000.000	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng	584.031.793	(*)	527.859.558	(*)
▪ Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	174.557.896	(*)	-	(*)
▪ Phải thu ngắn hạn khác	527.683.288	(*)	909.855.067	(*)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người lao động	304.960.000	(*)	272.184.000	(*)
▪ Chi phí phải trả	39.000.000	(*)	35.629.000	(*)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	-	(*)	1.852.636.941	(*)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 125 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của các công cụ này.

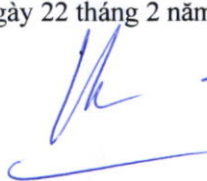
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**
(tiếp theo)**Mẫu B09 - CTQ**(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)**22. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan****(a) Giao dịch phát sinh trong năm**

	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Chứng khoán ACB		
Lãi trái phiếu được nhận	-	1.150.684.932
Chi phí môi giới chứng khoán	3.078.345	4.554.921
Phí lưu ký chứng khoán	1.941.710	2.207.761
Phân phối lợi nhuận	-	1.852.636.941
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Ngân hàng TMCP Á Châu		
Lãi từ tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi thanh toán	2.545.702.193	1.859.139.658
Gửi tiền vào tài khoản thanh toán	55.796.910.666	70.429.648.715
Rút tiền từ tài khoản thanh toán	55.738.752.441	70.032.354.762
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	50.527.575.342	63.550.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	49.327.575.342	14.000.000.000
Phí dịch vụ ngân hàng	547.000	485.500
Tổng Giám đốc, chủ tịch HĐQT		
Tiền lương, thù lao và trợ cấp	464.363.000	414.250.000

(b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Chứng khoán ACB		
Vốn góp	50.000.000.000	50.000.000.000
Chứng khoán lưu ký	6.451.500.000	7.314.000.000
Lợi nhuận phân phối phải trả	-	1.852.636.941
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Ngân hàng TMCP Á Châu		
Tài khoản thanh toán	578.627.420	520.469.195
Tài khoản tiền gửi	47.000.000.000	45.800.000.000
Dự thu lãi từ hợp đồng tiền gửi	527.683.288	909.855.067

Ngày 22 tháng 2 năm 2023


Trần Thị Thu Thủy
Người lập
Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng
Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc